TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ TỈNH HÀ TĨNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2023
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Nữ Ngọc Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Thanh Dân

Ông Phan Tùng Long

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Danh Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm theo hình thức trực tuyến kết hợp trực tiếp vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh ngày: 09/10/1998, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ hiện nay: Thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt tại điểm cầu Trung tâm;
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày: 28/8/1992, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh H, có mặt tại điểm cầu thành phần.
- Người tham gia tố tụng khác:

+ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1962

+ Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm: 1960

Là bố, mẹ của anh Nguyễn Văn Q, nghề nghiệp: Làm ruộng và cư trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; có mặt tại điểm cầu trung tâm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L cùng các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, vụ án có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q sau thời gian tự do tìm hiểu, yêu đương đã đăng ký kết hôn ngày 06/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh theo số đăng ký: 51/2017. Hai bên gia đình tổ chức lễ cưới công khai theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và có 01 con chung. Đến cuối năm 2021, anh Q, chị L bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do khác biệt về quan điểm, lối sống, không tin tưởng dẫn đến không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc. Tháng 7 năm 2023, chị L có Đơn khởi kiện vụ án ly hôn. Quá trình Tòa án đang xem xét đơn khởi kiện, anh Nguyễn Văn Q có hành vi dùng dao đâm, chém gây thương tích nghiêm trọng cho chị L. Hiện nay, anh Q đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh H. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể dung hòa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Văn Bảo N, sinh ngày: 27/12/2017. Chị L đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng do hiện nay sức khỏe chị L còn yếu, không có thu nhập vì đang trong quá trình điều trị vết thương, chưa có kinh tế nuôi con. Mặc dù anh Q đang bị tạm giam nhưng từ trước đến nay con chung được anh Q và ông bà nội chăm sóc nên chị không muốn thay đổi môi trường sống của con. Chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/ tháng vào ngày 05 hàng tháng, gửi tiền cấp dưỡng cho bà nội cháu là Nguyễn Thị G, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không tạo lập được bất động sản; đang ở chung với gia đình chồng. Quá trình anh Q lao động ở nước ngoài có gửi tiền về để trả các khoản vay trước khi anh Q đi nước ngoài và phục vụ sinh hoạt gia đình nên vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị L không chung thủy trong thời gian anh Q đi lao động ở nước ngoài. Anh đã cố gắng để níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng chị L không chấp nhận. Do đó anh đồng ý ly hôn. Về con chung, anh Q có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, do đang bị tạm giam nên anh đã nhờ bố mẹ chăm sóc con và sẽ cố gắng cải tạo tốt để sớm trở về nuôi dưỡng con chung. Anh Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung, việc chị L tự nguyện cấp dưỡng anh không có ý kiến. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Q cho rằng, vợ chồng không tạo lập được

bất động sản và đang chung sống cùng bố mẹ. Tuy nhiên, anh chị có nợ bố mẹ anh Q số tiền 40.000.000 đồng. Quá trình anh Q đi lao động ở nước ngoài có gửi tiền về để trả nợ. Mặc dù vợ chồng đều có thu nhập và công việc ổn định nhưng do phải trả nợ và trang trải cuộc sống nên vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L1 có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn B Nam trong thời gian anh Q đang bị tạm giam và chấp hành án. Về kinh tế nuôi con, anh Q và chị L đều phải có trách nhiệm hỗ trợ ông bà để đảm bảo tốt nhất điều kiện sinh hoạt, học tập cho cháu N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các đương sự; phân tích nội dung vụ án đã đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, xử cho chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q ly hôn; giao con chung Nguyễn Văn Bảo N, sinh ngày: 27/12/2017 cho chị anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, trong thời gian anh Q đang bị tạm giam, thi hành án tạm giao cháu Nguyễn Văn B Nam cho bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị Nguyễn Thị L với số tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) vào ngày mồng 5 hàng tháng; tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại khoản 14 Điều 3; Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 29, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng là thực hiện đúng quy định tại Điều 196, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án yêu cầu đương sự giao nộp tài liệu, chứng cứ, lấy lời khai đương sự và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là tuân thủ quy định tại Điều 95, 96, 98, 208 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Quá trình xem xét đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị L có văn bản yêu cầu Tòa án không hòa giải. Do đó, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại điểm c khoản 8 Điều 16 Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án.

[1.5] Mặc dù các đương sự đã thống nhất được toàn bộ nội dung vụ án nhưng chị Nguyễn Thị L đề nghị Tòa án không hòa giải, anh Nguyễn Văn Q đang bị tạm giam do có hành vi gây thương tích cho chị L nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1.1] Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q hôn nhân tự nguyện, tuân thủ các điều kiện kết hôn và thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn ngày 06/9/2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

[2.1.2] Theo trình bày của chị Nguyễn Thị L, mâu thuẫn phát sinh trong quá trình vợ chồng sống chung và trở nên trầm trọng từ cuối năm 2021. Hai bên thường xuyên xảy ra cự cãi do không tin tưởng, bất đồng quan điểm, lối sống; chị L đã bỏ về sinh sống tại nhà bố đẻ, ly thân từ đó đến nay. Chị L khẳng định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Nguyễn Văn Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do chị L không chung thủy trong thời gian anh Q đi lao động ở nước ngoài. Đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn.

[2.1.3] Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh Q và chị L khai không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng cả hai đều khẳng định vợ chồng hiện nay không còn tình cảm, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên thuận tình ly hôn. Mặt khác, quá trình Tòa án xem xét đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn Q đã thực hiện hành vi "Cố ý gây thương tích" cho chị L và hiện đang bị tạm giam. Như vậy, anh Q đã có hành vi *vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.*

[2.1.4] Pháp luật về Hôn nhân và gia đình Việt Nam có chính sách và biện pháp bảo hộ hôn nhân và gia đình, tạo điều kiện để nam, nữ xác lập hôn nhân tự nguyện, vợ chồng bình đẳng; xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ… nhưng hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q không còn hướng tới xây dựng gia đình hạnh phúc.

Tại điểm a.1, a.3 khoản a Điều 8 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *"Căn cứ cho ly hôn: …Được coi là tình trạng của vợ chồng trầm trọng khi: Vợ, chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bổn phận người đó, bỏ*

mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống…", "a.3. Mục đích của hôn nhân không đạt được là không có tình nghĩa vợ chồng; không bình đẳng về nghĩa vụ và quyền giữa vợ, chồng".

Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51*).

[2.1.5] Xét thấy, hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q không còn. Vợ chồng không yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ. Do đó, chấp nhận yêu cầu của các đương sự như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q có 01 con chung là Nguyễn Văn Bảo N, sinh ngày: 27/12/2017 đang được ông Nguyễn Văn L1, bà Nguyễn Thị G là ông, bà nội của cháu N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện nay, do đang điều trị vết thương nên sức khỏe chị L chưa ổn định, đang cần người hỗ trợ chăm sóc và chưa có thu nhập. Từ năm 2021 đến nay, chị L không trực tiếp chăm sóc con chung, cháu N chung sống cùng anh Q và ông bà nội. Con chung phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Quá trình giải quyết vụ án, chị L tự nguyện giao quyền trực tiếp nuôi con cho anh Q. Mặc dù hiện nay anh Q đang bị tạm giam nhưng anh có nguyện vọng được nuôi con chung và đề nghị Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi con để anh cố gắng cải tạo, sớm trở về chăm sóc cháu N trưởng thành. Do có thời gian lao động ở nước ngoài nên anh vẫn đủ kinh tế để nuôi con và anh nhờ các anh, chị cũng như bố mẹ hỗ trợ anh trong việc chăm sóc cháu N. Tại phiên tòa, ông L1, bà G đồng ý việc giúp anh Q nuôi con; chị L khẳng định sẽ hỗ trợ ông bà chăm sóc con trong thời gian anh Q vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con là quyền của các đương sự trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc tốt nhất cho con chung. Để đảm bảo sự ổn định về tâm sinh lý, môi trường sống cho cháu Nguyễn Văn Bảo N, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu N cho anh Nguyễn Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; trong thời gian anh Q bị tạm giam, chấp hành án tạm giao cháu N cho ông bà nội trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn Q không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung; chị Nguyễn Thị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/tháng. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L, mặt khác việc cấp dưỡng nuôi con chung là trách nhiệm, nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con chung và để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu N thấy rằng cần chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của chị L là phù hợp.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn Q thống nhất trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

Trong trường hợp phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc chịu toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình và buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 39, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Thị L, sinh ngày: 09/10/1998, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ hiện nay: Thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh và anh Nguyễn Văn Q, sinh ngày: 28/8/1992, nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quyền trực tiếp nuôi con chung. Giao con chung Nguyễn Văn Bảo N, sinh ngày: 27/12/2017 cho anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian anh Q chưa thực hiện được quyền trực tiếp chăm sóc con chung, tạm giao cháu Nguyễn Văn B Nam cho bố, mẹ anh Nguyễn Văn Q là ông Nguyễn Văn L1 và bà Nguyễn Thị G thực hiện việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng)/tháng, vào ngày mồng 05 hàng tháng, tiền cấp dưỡng được gửi cho bà nội cháu là Nguyễn Thị G, địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị L về việc chịu

300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm và buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Nguyễn Thị L đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Biên lai số 0012454 ngày 24/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Nguyễn Thị L còn phải nộp 150.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn.

***Nơi nhận*:**
- TAND, VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Lộc Hà;
- Chi cục THADS huyện Lộc Hà;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu: HS, TDS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Nữ Ngọc Diệp